

Số: 03/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 349/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Ma Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố Nghĩa Lợi, phường Bắc Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.

* Bị đơn: Chị Triệu Thị O, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Ngọc Lâu, xã Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Ma Văn T và chị Triệu Thị O (Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân xã VQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang - Nay là Ủy ban nhân dân xã KB, tỉnh Tuyên Quang).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Triệu Thị O là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ma Văn H, sinh ngày 06/11/2010. Anh Ma Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng),

kể từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện vào ngày 20 hàng tháng.

Đối với cháu Ma Thị H1, sinh ngày 15/6/2001 hiện nay đã trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vấn đề khác: Anh Ma Văn T và chị Triệu Thị O đã tự thống nhất thỏa thuận và yêu cầu Tòa án ghi trong Quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, cụ thể như sau:

Anh Ma Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Triệu Thị O số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) để chị O tạo dựng nơi ở mới. Thời hạn thanh toán vào ngày 30/6/2026.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Anh Ma Văn T có nghĩa vụ chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và phải chịu tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000011070088, ngày 26/12/2025 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 120, ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Anh T đã nộp đủ án phí.

Chị Triệu Thị O không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với việc anh T và chị O đã tự thỏa thuận về việc anh Ma Văn T có nghĩa vụ thanh toán tiền cho chị O và yêu cầu Tòa án ghi trong Quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã KB (Nơi ĐKKH);
- VKSND khu vực 2 - Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh